Biểu mẫu 6

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TH PHƯỚC HÒA B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 - 2021

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**628**	170	138	133	97	90
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	**628**	170	138	133	97	90
III	**Số học sinh chia theo năng lực**	**602**	170	138	133	97	90
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	**64,9%**	64,1%	68,8%	69,2%	56,7%	65,6%
2	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	**35,1%**	35,9%	31,2%	30,8%	43,3%	34,4%
3	Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)		-	-	-	-	-
IV	**Số học sinh chia theo phẩm chất**	**628**	170	138	133	97	90
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	**58,3%**	66,5%	61,6%	64,7%	45,4%	53,3%
2	Đạt(tỷ lệ so với tổng số)	**41,7%**	33,5%	38,4%	35,3%	52,6%	46,7%
3	Cần cố gắng(tỷ lệ so với tổng số)		-	-	-	-	-
V	**Số học sinh chia theo môn học**						
1	**Tiếng Việt**	**628**	170	138	133	97	90
A	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**47,3%**	60%	46,4%	52,6%	32%	45,6%
B	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**51,3%**	34,7%	52,9%	47,4%	67%	54,4%
C	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**1,4%**	5,3%	0,7	-	1%	-
2	**Toán**	**628**	170	138	133	97	90
A	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**49,7%**	55,9%	49,3%	69,2%	29,9%	44,4%
B	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**49,1%**	40,6%	49,3%	30,8%	69,1%	55,6%
C	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**1,2%**	3,5%	1,4%	-	1%	-
3	**Khoa học**	**187**				97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**50,9%**				47,4%	54,4%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**49,1%**				52,6%	45,6%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-				-	-
4	**Lịch sử và Địa lí**	**187**				97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**49,3%**				48,5%	50%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**50,7%**				51,5%	50%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-				-	-
5	**Tiếng Anh**	**458**		138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**34,5**		31,2%	42,1%	32%	31,1%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**65,1**		67,4%	57,9%	68%	68,9%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**0,4**		1,4%	-	-	-
6	**Tin học**	**320**			133	97	90

Scanned with CamScanner

a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**43%**			44,4%	42,3%	42,2%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**57%**			55,6%	57,7%	57,8%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-			-	-	-
7	**Đạo đức**	**628**	170	138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**60,4%**	67,1%	64,5%	69,2%	43,3%	57,8%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**39,6%**	32,9%	35,5%	30,8%	56,7%	42,2%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
8	**Tự nhiên và Xã hội**	**441**	170	138	133		
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**63,5%**	66,5%	61,6%	62,4%		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**36,5%**	33,5%	38,4%	37,6%		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-		
9	**Âm nhạc**	**628**	170	138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**57,4%**	63,5%	54,3%	63,2%	49,5%	56,7%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**42,6%**	36,5%	45,7%	36,8%	50,5%	43,3%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
10	**Mĩ thuật**	**628**	170	138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**58,8%**	57,6%	54,3%	66,2%	52,6%	63,3%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**41,2%**	42,4%	45,7%	33,8%	47,4%	36,7%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
11	**Thủ công (Kỹ thuật)**	**458**		138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**54,4%**		50,7%	64,7%	45,4%	56,7%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**45,6%**		49,3%	35,3%	54,6%	43,3%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
12	**Thể dục**	**628**	170	138	133	97	90
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**70,4%**	68,8%	69,6%	80,5%	60,8%	72,2%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	**29,6%**	31,2%	30,4%	19,5%	39,2%	27,8%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-	-
VI	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**628**	170	138	133	97	90
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**97,1%**	93,5%	98,5%	97,7%	97,9%	100%
a	Trong đó Học sinh khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	**39,3%**	48,8%	41,1%	32,6%	36,7%	43,3%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	**3,8%**	0,6	0,7	0,8%	-	16,7%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**2,5%**	6,5%	1,5	2,3	2,1%	-

Phước Hòa, ngày 27 tháng 5 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC HÒA B

Trần Thị Minh Huệ

Scanned with CamScanner